

**Từ Tư thư ước giải**  
**đền Tự Đức Thánh chế Luận ngữ thích nghĩa ca**  
**suy nghĩ về bước vận động xây dựng chính tả chữ Nôm**

**Phó Giáo sư Tiên sĩ Phạm Văn Khoái**  
Đại học Khoa học Xã Hội và Nhân Văn  
Đại học Quốc gia Hà Nội

**Hội nghị Quốc tế về chữ Nôm**  
Ngày 12-13 tháng 11 năm 2004  
Thư viện Quốc gia Việt Nam – Hà Nội

**1.**

Cũng như bất kì hệ thống chữ viết và ngôn ngữ viết nào, trên bước đường tồn tại, phổ biến của mình, vấn đề xây dựng chính tả luôn được đặt ra cho chữ Nôm. Mặc dù có những đánh giá tiêu cực về chính tả của chữ Nôm, nhưng trên thực tế chính tả của chữ Nôm có xu hướng càng ngày càng đi đến thống nhất. Nhờ những thành tựu của công cuộc xây dựng chính tả, tính thống nhất của chữ Nôm ngày càng được tăng cường cho phù hợp với yêu cầu và chức năng cố định tiếng Việt của nó.

Việc thiết lập chính tả cho các hệ thống chữ viết khối vuông bao gồm các nội dung như: xác định phương ngữ cơ sở, lập danh sách chữ viết, xác định số lượng các biến thể (biệt tự) của một chữ, lập danh sách chính tự để rồi loại trừ biệt tự, phổ biến chính tự qua các thiết chế của hệ thống giáo dục nhà trường cũng như qua các thiết chế hành chính quan trọng khác. Từ nhà trường đến nhà nước vốn là một bước đi thường thấy trong lộ trình xây dựng chính tả của chữ viết khối vuông nói chung.

**2.**

Qui trình xây dựng chính tả chữ Nôm không thể không chịu ảnh hưởng qui trình xây dựng chính tả cho chữ khối vuông nói chung, trong đó chữ Hán là tiêu biểu nhất. Những chữ Hán lúc đầu đều được xây dựng trong cộng đồng, thông qua các văn bản, và được thu nhận trong các bộ sưu tập lớn như: *Sử Trữu biên*, *Tam Thương*, *Nhĩ nhĩ*, *Thuyết văn giải tự*... rồi đến *Chính tự thông*, mà tập đại thành là *Khang Hy tự điển*. Chính tả của chữ Hán nói chung được xây dựng và triển khai qua hệ thống nhà trường và khoa cử truyền thống để rồi đi đến thống nhất ở tầm quốc gia bằng một chế lệnh của vua - người đứng đầu nhà nước. Tìm hiểu vấn đề chính tả cho chữ Nôm không thể không chú ý đến vấn đề sử dụng chữ Nôm trong các văn bản, trong các bộ tự điển, từ điển, trong hệ thống các sách giáo khoa, trong các sách vở được biên soạn bằng chữ Nôm hay có chữ Nôm theo do các cơ quan chuyên trách của nhà nước thực hiện cũng như qua các bộ sách mang tính thánh chế của các vua.

Theo hướng như thế, chúng ta sẽ đọc lại các văn bản chữ Nôm nhất là những văn bản được in ấn, có biên tập cẩn thận qua các thời đại, chúng ta điểm lại các bộ tự điển, từ điển chữ Nôm, các bộ sách giáo khoa đã được sử dụng trong hệ thống giáo dục thời xưa để thấy tác động của chúng đối với chính tả chữ Nôm như thế nào. Đa số các bộ tự điển khi xưa chủ yếu được biên soạn phục vụ cho việc học chữ Hán thông qua chữ Nôm chứ không lấy chữ Nôm làm xuất

phát điem cho công việc biên soạn của mình. Bên cạnh đó còn có những sách song ngữ Hán Nôm được phổ biến trong nhà trường. Chúng có vai trò to lớn trong việc phổ biến chính tả chữ Nôm.

### 3.

Thuộc vào sách giáo khoa kinh điển Nho học trong hệ thống trường học truyền thống khi xưa trước hết phải kể đến *Tứ thư, Ngũ kinh*. Chúng là những bộ sách viết bằng văn ngôn chữ Hán. Tuy vậy, trong thực tế sử dụng, chúng đã từng được ước giải, diễn nghĩa, thích nghĩa... ra chữ Nôm. Chữ Nôm và quốc ngữ (tiếng mẹ đẻ) ở đây đã đóng vai trò như là các cầu trung chuyển để qua đó đẩy nhanh việc học chữ Hán, văn ngôn chữ Hán, giáo điển thánh hiền.

Phong trào diễn nghĩa, thích nghĩa các sách kinh điển của Nho gia – Tứ thư – Ngũ kinh khá rầm rộ trong thế kỷ XVIII, XIX. Chúng được biên tập cẩn thận, được xuất bản và in ấn với số lượng lớn. Chính cách làm này đã góp phần triển khai công cuộc chính tả cho chữ Nôm qua hệ thống nhà trường đến tâm xã hội. Chúng ta cần kể ra ở đây những bộ sách giáo khoa kinh điển Nho học lớn đã dùng chữ Nôm làm cái cầu chuyển ngữ và qua đó, chữ Nôm có điều kiện được sử dụng rộng rãi hơn, số người biết đông hơn, tính qui thức cao hơn, công tác chính tả được triển khai mà hiện giờ chúng còn được lưu giữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm như: *Tứ thư ước giải*. Lê Quý Đôn hiệu đính. Úc Văn Đường, trùng san năm Minh Mệnh năm thứ 20 (1839). AB.270/1-5/; *Ngũ kinh tiết yếu diễn nghĩa*. Bùi Huy Bích soạn. Đa Văn Đường in năm Minh Mệnh thứ 8 (1837). AB.539/1-12; *Tự Đức thánh chế Luận ngữ thích nghĩa ca*, gồm 7 quyển, in năm Thành Thái thứ 8 (1896). A.186/1-2. 1110 tr., 29x17; VHv.709/3-6/; *Thi kinh điển âm*. AB.137; *Thi kinh điển âm*. AB.169; *Thi kinh điển nghĩa*. VNv.107; *Thi kinh, Thư kinh quốc ngữ ca*. VNv.215; *Thi kinh tiếp lục*. HNv.24/1-3; *Thư kinh điển nghĩa*. A.1251; *Thư kinh đại toàn tiết yếu diễn nghĩa*. AB.145/1-2,...

Dưới đây chúng tôi giới thiệu 2 bộ tiêu biểu là *Tứ thư ước giải* và *Tự Đức Thánh chế Luận ngữ thích nghĩa ca*.

#### 3.1. *Tứ thư ước giải*. AB.270/1-5.

Đây là bộ sách giải nghĩa *Tứ thư* theo lối cước chú. Bản này in lại một bản trước đó, sách có đề như sau: “*Hoàng triều Minh Mệnh nhị thập niên lục nguyệt cát nhật, trùng san. Diên Hà Bàng nhân quan hiệu đính*”.

Lối được thể hiện như sau: *Chính văn* (chữ Hán - chữ Nôm) – giải thích (chữ Hán). Ví dụ:

- a) *Đại học chi đạo* – Chung đạo sách đại học – *Đại học giả, đại nhân chi học dã*.
- b) *Tĩnh nhi hậu năng an*. Lòng lặng mà sau hay yên...

Sự ra đời của *Tứ thư ước giải* được cắt giải thích như sau: “Huống chi âm ngữ nước ta với Trung Quốc bất đồng, dạy *Tứ thư* thật khó vậy. Cho nên các bậc thầy đời trước diễn sách theo phương ngôn làm thành sách *Tứ thư ước giải*”.

Có thể nói *Tứ thư ước giải* với bản trùng san Minh Mệnh năm thứ hai mươi (1840) đã cho ta thấy vai trò to lớn của chữ Nôm trong việc chở đạo lí thánh hiền đối với dân chúng và trước hết là đối với sĩ tử. Vai trò to lớn của chữ Nôm đối với nhiệm vụ này đã được thể hiện bằng sự ra đời của *Tự Đức Thánh chế Luận ngữ thích nghĩa ca* sau đó khoảng một thế kỉ.

3.2. *Tự Đức Thánh chế Luận ngữ thích nghĩa ca* là bản diễn nghĩa bằng thơ lục bát toàn văn *Luận ngữ* trên cơ sở dựa vào chú giải *Luận ngữ* của Chu Hy. Bản thích nghĩa gồm 7 quyển được trình bày theo lối cước chú song ngữ: trên là chữ Hán (Nguyên văn *Luận ngữ* và chú giải của Chu Hy), dưới là chữ Nôm theo thơ lục bát, được khắc in năm Thành Thái thứ tám (1896).

*Luận ngữ thích nghĩa ca* ra đời là sự tiếp tục và phát triển trào lưu chú giải, diễn nghĩa các kinh điển Nho gia ra tiếng Việt viết bằng chữ Nôm có trước đó. Khác với các văn bản ước giải, tiết yếu diễn nghĩa song ngữ kinh điển nho học đã có, *Tự Đức Thánh chế Luận ngữ thích nghĩa ca* do chính vua Tự Đức thực hiện. Chữ *thánh chế* đã nói là lên tầm điển chế nhà nước về phương diện truyền bá đạo thánh hiền của *Luận ngữ*, đồng thời nó lại đóng vai trò thúc đẩy vấn đề chính tả của chữ Nôm lên tầm nhà nước. Việc xuất bản *Tự Đức thánh chế Luận ngữ thích nghĩa ca* cũng như *Tự Đức thánh chế, Tự học giải nghĩa ca* được tổ chức cẩn thận, qui mô do Bộ Lễ đảm nhận cho ta thấy ý nghĩa đặc biệt của công việc này.

Miên Trinh trong lời bạt cuối sách đã nói về vấn đề ra đời của *Tự Đức thánh chế thích nghĩa ca* như sau: “Muôn vật, muôn sự trong thiên hạ chẳng gì lại không được đặt nguồn tựa gốc từ tâm lòng của bậc nhân quân... Nay hoàng thượng điển học rục rờ, chăm chăm không thôi, nghĩa huân rộng sâu, tài văn thực rộng, ngài coi *Luận ngữ* có địa vị trọng yếu trong *Thập tam kinh* (Mười ba kinh) nên ngài dốc lòng yêu mến. Những lúc rỗi rảnh sau buổi thiết triều hay sau cuộc vãn an, ngài luôn đọc kĩ, chưa lúc nào sách rời khỏi tay. Nhân đó ngài mới phiên dịch thành quốc âm, diễn thành ca từ,  *khiến người đi học sớm tối tụng đọc, ngâm vịnh và để cho cả những người như nông phu, dã lão, phụ nữ, trẻ con, mắt chưa từng biết chữ cũng nghe được ngôn ngữ của thánh hiền, thấy phong thái của thánh hiền*, khiến phong tục trở nên đôn nhân, tiết nhượng sao mà thịnh đến thế! Diễn ca viết xong, bèn sai Miên Trinh tôi viết lời bạt. Tôi kính cẩn chấp tay cúi đầu dâng lời rằng: “*Luận ngữ* là bộ sách mà đáng thánh hiền hàm chứa tinh thần, nuôi dưỡng tiết thái, giữ cho mình thành, dạy bảo con người, nghiên cứu sự vật cho đến cùng lí, đạo chia đều trong thiên hạ, đều thấy ở đây những lời vàng ý ngọc, diễn thích tinh tường, đều là tiếng vàng tiếng đá lạnh canh. Ý nghĩa của nó giản lược mà bao quát, há có nhà ca từ nào ngay cả trong lúc mơ dám mà nghĩ đến! Thực là ngay cả những nhà chú sớ xưa nay, vạn phần cũng chưa vươn tới được”.

Bên cạnh những lời có tính nghi thức, tán tụng ta còn thấy ở đây những ý nghĩa và giá trị do tính *thánh chế* của bản thích nghĩa ca mang lại. Do là thánh chế cho nên sẽ mang tính pháp định khiến cả xã hội và thần dân phải tuân theo. Sự tuân theo đó không chỉ tuân theo tinh thần “sùng chính học, đôn nhân luận” của nho học quan liêu thời Nguyễn do vua Minh Mạng đề xướng, vua Tự Đức tuân thủ mà còn có ý nghĩa *định chế về chính tả* của chữ Nôm.

#### 4.

Như thế, *Từ thư ước giải* (và cả *Ngũ kinh tiết yếu diễn nghĩa*) đã thể hiện một phần nào đời sống của sách song ngữ Hán Nôm các kinh điển Nho học tiếp nối từ cuối thế kỷ XVIII, sang nửa đầu thế kỷ XIX. Trên các trang của chúng có ghi tên tuổi của các bậc biên soạn và hiệu đính (Bùi Huy Bích và Lê Quý Đôn) đã cho ta thấy phần nào đời sống sách song ngữ Hán-Nôm chú giải, thích nghĩa, diễn nghĩa kinh điển Nho học. Việc các văn bản đó được phổ biến ngay cả khi những người được ghi là hiệu đính hay biên soạn đã mất đã nói lên mức độ phổ biến mà chúng có được trong lịch sử. Chúng ta có thể thấy rằng *đây là những bộ sách có ý nghĩa trong việc phổ biến chính tả chữ Nôm cho giới những người đi học, thông qua hệ thống nhà trường*. Đây là một trong những điểm phù hợp với con đường xây dựng chính tả cho các chữ khối vuông nói chung,

trước hết nó phù hợp với tiến trình xây dựng chính tả cho chữ Hán trong lịch sử. Chính tả chữ Nôm có trong *Tứ thư ước giải* (và cả *Ngũ kinh tiết yếu diễn nghĩa*) đã lấy phương ngữ miền Bắc làm cơ sở. Lê Quý Đôn và học trò của ông – Bùi Huy Bích đều là những người ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, họ có thời gian sống ở Thăng Long (Bùi Huy Bích lại là người Thanh Trì). Tự nhiên, chính tả chữ Nôm ở đây đã dựa trên cơ sở tiếng vùng đồng bằng Bắc Bộ men theo dải song Hồng mà lúc soạn thảo, Thăng Long vẫn đang là thủ đô của cả nước.

Sang nửa cuối thế kỷ XIX, chúng ta lại gặp bản *Luận ngữ thích nghĩa ca* mang tầm **thánh chế** của vua Tự Đức. ở đây chúng tôi cũng chỉ đề cập đến ảnh hưởng về chính tả cho chữ Nôm xét về mặt lý thuyết mà bản thích nghĩa ca mang lại. Sự xuất hiện của nó xét về mặt thời gian cũng như tính nghi thức (thánh chế) và con đường phổ biến qua các hệ thống nhà trường của chữ Nôm trong đây cho ta thấy một bước mới của tiến trình xây dựng chính tả chữ Nôm. ở lần này, chính tả chữ Nôm được xây dựng trên cơ sở phương ngữ Huế—tiếng kinh đô lúc đó. Trong *Tự Đức Thánh chế Luận ngữ thích nghĩa ca*, chúng ta thấy quá nhiều từ ngữ của phương ngữ Huế như: *răng, mần, mần răng, mần ri, chừ, ni...* Như vậy, trên bước đường xây dựng chính tả do chữ Nôm trong lịch sử, phương ngữ kinh đô (tiếng thủ đô) lại thể hiện vai trò và ý nghĩa của mình.

## 5.

Từ “*Tứ thư ước giải*” đến “*Tự Đức Thánh chế Luận ngữ thích nghĩa ca*” có thể được xem như là những bước cần thiết của quá trình xây dựng chính tả chữ Nôm. [Tất nhiên, thuộc vào phạm trù chính tả chữ Nôm chúng ta còn phải kể đến nhiều loại văn bản khác trong đó có các bộ tự điển, từ điển như: *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa, Tam thiên tự giải âm, Đại Nam quốc ngữ, Tự Đức Thánh chế tự học giải nghĩa ca...*]. Qui trình và con đường đó là: xây dựng và phổ biến chính tả chữ Nôm qua hệ thống nhà trường và có dấu ấn của nhà nước. Dấu ấn này được thể hiện chính bằng việc làm của vua Tự Đức.

Chúng tôi không đề cập đến ý nghĩa và kết quả cuối cùng của vấn đề chính tả chữ Nôm. Đó là vấn đề rất lớn cần được trình bày riêng. Điều có ý nghĩa ở đây là cho dù bị nhiều áp lực xã hội, bị đối xử bất công so với chữ Hán, không được trao cho địa vị là ngôn ngữ văn tự chính thống trong các hoạt động hành chính nhà nước và giáo dục nhưng theo đà tự nhiên, chữ Nôm vẫn đã có những bước đi về chính tả và có cách thức phổ biến chính tả của mình. Từ *Tứ thư ước giải* đến *Tự Đức Thánh chế Luận ngữ thích nghĩa ca* đã cho ta thấy những bước vận động, các cách thức triển khai xây dựng chính tả cho chữ Nôm trong quá khứ.

